

1c/g Tổng cục Hải quan

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 26/QĐ-BTC

Hà Nội, ngày 08 tháng 01 năm 2018

TỔNG CỤC HẢI QUAN	
ĐẾN Số: 322	
Ngày: 18-01-2018	
Chuyên: Về việc công bố thủ tục hành chính mới trong lĩnh vực thuế thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài chính	
Lưu hồ sơ số:	

QUYẾT ĐỊNH

Chuyên: Về việc công bố thủ tục hành chính mới trong lĩnh vực thuế thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài chính

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 06 năm 2010 của Chính phủ về Kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 05 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 7/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 125/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 122/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ về Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi, Danh mục hàng hoá và mức thuế tuyệt đối, thuế hỗn hợp đối, thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan;

Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách Thuế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 02 thủ tục hành chính mới trong lĩnh vực thuế thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài chính (Phụ lục kèm theo).

Trần Văn Ngọc
18/01/18

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16/11/2017.

Điều 3. Vụ trưởng Vụ Chính sách Thuế và thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (Cục Kiểm soát TTTC);
- Cổng thông tin điện tử Bộ Tài chính;
- Lưu VT, Vụ CST(P_{XNK}). /

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Vũ Thị Mai

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ TÀI CHÍNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 36/QĐ-BTC ngày 08 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

I. Danh mục thủ tục hành chính

STT	Tên thủ tục hành chính	Cơ sở pháp lý	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1	Thủ tục đăng ký tham gia chương trình ưu đãi thuế	- Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13; - Nghị định số 125/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 122/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ về Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi, Danh mục hàng hoá và mức thuế tuyệt đối, thuế hỗn hợp đối, thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan.	Thuế	Cục Hải quan hoặc Chi cục hải quan
2	Thủ tục áp dụng mức thuế suất của nhóm 98.49	- Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13; - Nghị định số 125/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 122/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ về Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi, Danh mục hàng hoá và mức thuế tuyệt đối, thuế hỗn hợp đối, thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan; - Luật quản lý thuế.	Thuế	Cục Hải quan hoặc Chi cục hải quan

II. Nội dung cụ thể của từng thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực thuế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính

1. Thủ tục đăng ký tham gia chương trình ưu đãi thuế

1.1 Trình tự thực hiện:

Doanh nghiệp nộp hồ sơ đăng ký tham gia Chương trình ưu đãi thuế tại cơ quan hải quan nơi doanh nghiệp đóng trụ sở chính hoặc nơi có nhà máy sản xuất, lắp ráp để đăng ký tham gia Chương trình ưu đãi thuế. Thời điểm tham gia Chương trình ưu đãi thuế tính từ ngày của công văn đăng ký trở đi.

1.2. Cách thức thực hiện: Gửi thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan đối với phương thức điện tử hoặc gửi trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện tới cơ quan hải quan nơi doanh nghiệp đóng trụ sở chính hoặc nơi có nhà máy sản xuất, lắp ráp.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Công văn đăng ký tham gia Chương trình ưu đãi thuế theo Mẫu số 05 (01 bản chính) quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 125/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017.

- Giấy chứng nhận doanh nghiệp đủ tiêu chuẩn doanh nghiệp sản xuất lắp ráp ô tô hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc luận chứng kinh tế kỹ thuật của nhà máy (01 bản chụp có chứng thực) để chứng minh công suất sản xuất, lắp ráp của nhà máy phù hợp với sản lượng chung tối thiểu hàng năm của Chương trình ưu đãi thuế linh kiện ô tô.

1.4. Thời hạn giải quyết: Không

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp đảm bảo tiêu chuẩn doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp ô tô theo quy định của Chính phủ về điều kiện sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu và kinh doanh dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng ô tô.

1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cục Hải quan hoặc Chi cục hải quan nơi tiếp nhận hồ sơ đăng ký tham gia Chương trình ưu đãi thuế của doanh nghiệp.

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Không

1.8. Phí, lệ phí: Không quy định.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 05 quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 125/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13;

- Nghị định số 125/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 122/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ về Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi, Danh mục hàng hoá và mức thuế tuyệt đối, thuế hỗn hợp đối, thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan.

2. Thủ tục áp dụng mức thuế suất của nhóm 98.49

2.1 Trình tự thực hiện:

- Chậm nhất sau 60 ngày kể từ ngày 30 tháng 6 hoặc ngày 31 tháng 12 hàng năm doanh nghiệp có công văn gửi cơ quan hải quan đề nghị áp dụng mức thuế suất 0% của nhóm 98.49 cho các linh kiện ô tô đã nhập khẩu để sản xuất, lắp ráp các nhóm xe ô tô nêu tại lộ trình của Chương trình ưu đãi thuế trong giai đoạn theo đề nghị của doanh nghiệp. Giai đoạn đề nghị của doanh nghiệp tối đa

không quá 06 tháng tính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 hàng năm hoặc từ ngày 01 tháng 7 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

- Trường hợp doanh nghiệp đăng ký tham gia Chương trình ưu đãi thuế ngay sau ngày Nghị định số 125/2017/NĐ-CP được ký ban hành thì chậm nhất sau 60 ngày kể từ ngày 30 tháng 6 năm 2018 trở đi, doanh nghiệp có công văn gửi cơ quan hải quan đề nghị áp dụng mức thuế suất 0% của nhóm 98.49 cho các linh kiện ô tô đã nhập khẩu để sản xuất, lắp ráp các nhóm xe ô tô trong giai đoạn từ ngày doanh nghiệp đăng ký tham gia Chương trình ưu đãi thuế đến ngày 30 tháng 6 năm 2018.

2.2. Cách thức thực hiện: Gửi thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan đối với phương thức điện tử hoặc gửi trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện tới cơ quan hải quan nơi doanh nghiệp đóng trụ sở chính hoặc nơi có nhà máy sản xuất, lắp ráp.

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Công văn đề nghị được áp dụng mức thuế suất 0% của nhóm 98.49 trong đó nêu rõ giai đoạn đề nghị được áp dụng thuế suất 0%; số lượng linh kiện ô tô nhập khẩu trong giai đoạn đề nghị áp dụng thuế suất 0% đã sử dụng để sản xuất, lắp ráp ô tô; số lượng xe ô tô thuộc các nhóm xe của Chương trình ưu đãi thuế thực tế đã sản xuất, lắp ráp; số lượng mẫu xe cam kết thực tế đã sản xuất, lắp ráp và số thuế đã nộp: 01 bản chính;

+ Bảng kê tình hình sử dụng linh kiện ô tô đã nhập khẩu trong giai đoạn đề nghị áp dụng mức thuế suất 0% theo mẫu số 06 (01 bản chính) quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 125/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 và chứng từ kế toán thể hiện số lượng linh kiện nhập khẩu đã được sử dụng để sản xuất, lắp ráp các nhóm xe thuộc Chương trình ưu đãi thuế (01 bản chụp có chứng thực);

+ Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng của doanh nghiệp theo mẫu phiếu do Cục Đăng kiểm Việt Nam phát hành (số lượng bản chụp có chứng thực tương ứng với số lượng xe đã sản xuất, lắp ráp trong giai đoạn đề nghị áp dụng mức thuế suất 0%); Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường ô tô sản xuất, lắp ráp (số lượng bản chụp có chứng thực tương ứng với số lượng kiểu loại xe sản xuất, lắp ráp) và Bản thuyết minh thiết kế kỹ thuật của xe ô tô có dấu xác nhận thẩm định của Cục Đăng kiểm Việt Nam (số lượng bản chụp có chứng thực tương ứng với kiểu loại xe sản xuất, lắp ráp).

+ Bảng kê các tờ khai hải quan hàng hoá nhập khẩu; bảng kê số tiền thuế đã nộp theo từng tờ khai hải quan hàng hoá nhập khẩu: 01 bản chính.

2.4. Thời hạn giải quyết:

Trường hợp doanh nghiệp đáp ứng đủ các điều kiện để được áp dụng Chương trình ưu đãi thuế và doanh nghiệp (người nộp thuế) có số tiền thuế đã nộp đối với số linh kiện ô tô đã nhập khẩu lớn hơn số tiền thuế phải nộp theo mức thuế suất của nhóm 98.49 thì cơ quan hải quan thực hiện xử lý tiền thuế nộp

thừa cho doanh nghiệp theo quy định của Luật quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Trường hợp doanh nghiệp không đáp ứng đủ điều kiện để được áp dụng Chương trình ưu đãi thuế thì cơ quan có văn bản trả lời cho doanh nghiệp được biết.

2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp đảm bảo tiêu chuẩn doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp ô tô theo quy định của Chính phủ về điều kiện sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu và kinh doanh dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng ô tô.

2.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cục Hải quan hoặc Chi cục hải quan nơi tiếp nhận hồ sơ của doanh nghiệp đề nghị áp dụng mức thuế suất của nhóm 98.49.

2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Xử lý tiền thuế nộp thừa cho doanh nghiệp hoặc văn bản trả lời của cơ quan Hải quan.

2.8. Phí, lệ phí: Không quy định.

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 06 quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 125/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Cơ quan hải quan căn cứ hồ sơ đề nghị của doanh nghiệp thực hiện kiểm tra đối tượng và các điều kiện áp dụng Chương trình ưu đãi thuế quy định tại khoản 7.2 gồm:

Sản lượng xe chung tối thiểu đã đạt được trong từng giai đoạn cụ thể nêu tại lộ trình của Chương trình ưu đãi thuế.

Sản lượng riêng tối thiểu của mẫu xe cam kết đã đạt được trong từng giai đoạn cụ thể nêu tại lộ trình của Chương trình ưu đãi thuế.

Trường hợp giai đoạn đề nghị áp dụng mức thuế suất 0% của doanh nghiệp không đủ 06 tháng theo từng giai đoạn nêu tại lộ trình của Chương trình ưu đãi thuế, doanh nghiệp vẫn phải đạt đủ sản lượng chung tối thiểu và sản lượng riêng tối thiểu của mẫu xe cam kết quy định cho từng giai đoạn cụ thể nêu tại lộ trình của Chương trình ưu đãi thuế quy định tại điểm b.12 khoản 3.2 Mục I Chương 98 của Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 125/2017/NĐ-CP.

Việc xác định các tiêu chí về sản lượng chung tối thiểu và sản lượng riêng tối thiểu của mẫu xe cam kết được căn cứ vào số lượng phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng của doanh nghiệp đã phát hành trong giai đoạn đề nghị áp dụng mức thuế suất 0% của doanh nghiệp, phiếu này phải theo mẫu do Cục Đăng kiểm Việt Nam phát hành. Việc xác định mẫu xe cam kết căn cứ theo giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường ô tô sản xuất, lắp ráp do Cục Đăng kiểm Việt Nam cấp (để xác định dung tích xi lanh, kiểu loại động cơ và công suất động cơ) và bản thuyết minh thiết kế kỹ thuật của xe ô tô

có dấu xác nhận thẩm định của Cục Đăng kiểm Việt Nam (để xác định kiểu loại thân xe hoặc cabin).

Linh kiện ô tô nhập khẩu đã sử dụng để sản xuất, lắp ráp xe ô tô phải thuộc danh mục nhóm 98.49 quy định tại Mục II Chương 98 của Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 125/2017/NĐ-CP và thuộc loại trong nước chưa sản xuất được. Việc xác định linh kiện trong nước chưa sản xuất được căn cứ theo quy định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Linh kiện phải đáp ứng mức độ rời rạc tối thiểu theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ và quy định tại điểm b.5.2 khoản 3.2 Mục I Chương 98 quy định tại Mục II Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 125/2017/NĐ-CP.

Số lượng linh kiện ô tô nhập khẩu đã sử dụng phù hợp với số lượng xe thực tế đã sản xuất lắp ráp trong thời hạn kiểm tra căn cứ bảng kê tình hình sử dụng, số lượng phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng của doanh nghiệp và giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường ô tô sản xuất, lắp ráp

2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13;
- Nghị định số 125/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 122/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ về Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi, Danh mục hàng hoá và mức thuế tuyệt đối, thuế hỗn hợp đối, thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan.
- Luật quản lý thuế.